

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Ánh M, sinh năm 2005

Địa chỉ: Số 44 NH, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Lê Đức Toàn, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn PT, xã D, Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lương Thị Ánh M và ông Lê Đức Toàn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Ánh M và ông Lê Đức Toàn tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Minh K, sinh ngày 05/12/2024 cho ông Lê Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà Lương Thị Ánh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Lương Thị Ánh M có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Lương Thị Ánh M và ông Lê Đức Toàn có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Ánh M và ông Lê Đức Toàn xác định không có.

- Về án phí: Bà Lương Thị Ánh M nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình (trong đó có 75.000 đồng án phí của bà M và tự nguyện nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Lê Đức Toàn) và nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Lê Đức Toàn. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001500 ngày 18/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Khánh Hòa); bà M và ông Toàn đã nộp đủ án phí theo quy định pháp luật.

Quy định: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thậm thực hiện thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 3 - Khánh Hòa;
- UBND xã D (trước là UBND xã Diên Toàn - Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lê